

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022**

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A01	1	Vũ Thị Minh Anh	15	3	2006	Khánh Hòa	Nữ	185	128751
10A01	2	Phạm Phương Anh	25	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	182	128733
10A01	3	Đinh Công Thế Anh	26	5	2006	Hòa Bình	Nam	172	128689
10A01	4	Nguyễn Thị Trâm Anh	11	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	181	128727
10A01	5	Đào Văn Anh	16	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	10	126456
10A01	6	Nguyễn Kim Âu	29	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	190	128765
10A01	7	Trương Quốc Chí	24	1	2006	Quảng Ngãi	Nam	197	128811
10A01	8	Võ Thuận Minh Đạt	8	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	203	128849
10A01	9	Nguyễn Hoài Đức	18	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	509	136023
10A01	10	Đặng Tùng Dương	7	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	209	128882
10A01	11	Nguyễn Vũ Duy	15	1	2006	Cà Mau	Nam	382	129946
10A01	12	Trương Ngọc Hân	31	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	223	128943
10A01	13	Nguyễn Thị Diễm Hương	13	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	391	130008
10A01	14	Nguyễn Quốc Huy	3	8	2005	Hồ Chí Minh	Nam	541	136287
10A01	15	Phan Thế Khải	27	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	396	130042
10A01	16	Lê Mậu Duy Khang	13	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	237	129054
10A01	17	Tổng Duy Khoa	21	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	550	136390
10A01	18	Nguyễn Tuấn Khôi	5	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	799	93669
10A01	19	Nguyễn Thị Thanh Lan	12	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	245	129131
10A01	20	Nguyễn Thành Luân	6	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	801	94130
10A01	21	Đào Thị Quỳnh Mai	26	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	252	129188
10A01	22	Nguyễn Thị Tuyết Mai	3	6	10500	Hồ Chí Minh	Nữ	51	126902
10A01	23	Nguyễn Thị Trà My	13	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	258	129223
10A01	24	Trần Kim Ngọc	26	3	2005	Cà Mau	Nữ	264	129289
10A01	25	Phan Phúc Nguyên	27	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	269	129314
10A01	26	Ngô Ý Nhi	22	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	414	130209
10A01	27	Nguyễn Lê Thiên Phúc	22	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	423	130262
10A01	28	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	18	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	295	129427
10A01	29	Nguyễn Vũ Thái Sơn	17	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	305	129500
10A01	30	Lê Lương Thái	12	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	309	129527
10A01	31	Lê Đình Thảo	22	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	778	167519
10A01	32	Lưu Minh Thông	7	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	440	130350
10A01	33	Hoàng Anh Thư	2	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	442	130355
10A01	34	Bùi Minh Thư	31	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	156	128408
10A01	35	Nguyễn Ngọc Minh Thư	13	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	443	130359
10A01	36	Nguyễn Đặng Anh Thương	21	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	699	138974
10A01	37	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	9	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	331	129643
10A01	38	Nguyễn Ngọc Trâm	17	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	335	129683
10A01	39	Trịnh Nguyễn Ngọc Trâm	12	9	2006	Tiền Giang	Nữ	452	130406
10A01	40	Nguyễn Trần Anh Tuấn	16	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	162	128568
10A01	41	Trương Lê Tuấn	4	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	798	93571
10A01	42	Phạm Ngọc Phương Uyên	1	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	463	130453
10A01	43	Lê Thị Vân	29	10	2006	Đồng Nai	Nữ	479	135600
10A01	44	Hồ Nam Việt	20	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	772	165024

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022**

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A02	1	Trần Phương An	25	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	367	129842
10A02	2	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	23	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	177	128715
10A02	3	Đinh Kim Ngọc Ánh	17	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	491	135873
10A02	4	Lê Thị Ngọc Ánh	13	11	2006	Thái Bình	Nữ	755	159801
10A02	5	Trần Hoàng Thái Châu	3	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	497	135937
10A02	6	Trần Ngọc Phương Chi	19	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	196	128810
10A02	7	Nguyễn Thị Hồng Đào	7	12	2006	Tây Ninh	Nữ	475	134162
10A02	8	Nguyễn Văn Đoàn	25	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	23	126603
10A02	9	Võ Minh Đức	5	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	206	128865
10A02	10	Vũ Duy Dũng	14	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	379	129934
10A02	11	Phan Nghĩa Dương	30	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	512	136054
10A02	12	Mai Thùy Dương	27	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	380	129936
10A02	13	Hà Trọng Hữu Duy	10	12	2006	Đồng Nai	Nam	515	136059
10A02	14	Nguyễn Trà Giang	7	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	519	136085
10A02	15	Đinh Thị Khánh Hà	29	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	521	136089
10A02	16	Nguyễn Hồng Thiên Hân	26	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	32	126668
10A02	17	Vũ Anh Hào	28	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	526	136153
10A02	18	Phạm Nguyễn Hoàng	4	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	229	128984
10A02	19	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	8	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	736	144081
10A02	20	Lưu Hữu Minh	7	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	408	130129
10A02	21	Phan Nhật Minh	5	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	800	93691
10A02	22	Phạm Huỳnh Kim Ngân	26	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	261	129259
10A02	23	Đỗ Hồng Ngọc	14	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	410	130172
10A02	24	Nguyễn Hạnh Nhi	2	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	695	138540
10A02	25	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi	28	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	272	129342
10A02	26	Nguyễn Quỳnh Như	8	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	278	129368
10A02	27	Bùi Nguyễn Lâm Oanh	29	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	280	129378
10A02	28	Nguyễn Hoàng Phát	22	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	610	136839
10A02	29	Nguyễn Xuân Phong	2	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	285	129398
10A02	30	Nguyễn Lâm Sỹ Phú	11	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	420	130252
10A02	31	Vương Hoàng Phúc	6	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	294	129424
10A02	32	Lưu Nguyễn Thành Phúc	1	1	2006	Quảng Ngãi	Nam	291	129415
10A02	33	HUỲNH THIÊN PHÚC	5	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	288	129408
10A02	34	Nguyễn Lam Phương	1	6	2006	Tây Ninh	Nữ	795	92234
10A02	35	Lê Hạnh Quyên	25	5	2006	Lâm Đồng	Nữ	619	136970
10A02	36	Lê Thị Mỹ Quyên	28	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	299	129475
10A02	37	Lê Phương Quyên	23	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	769	164430
10A02	38	Phạm Lê Sang	15	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	301	129490
10A02	39	Lê Thanh Tâm	1	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	429	130308
10A02	40	Trần Thanh Thanh	11	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	433	130329
10A02	41	Nguyễn Xuân Trường Thành	21	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	638	137107
10A02	42	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	318	129562
10A02	43	Lê Thị Thu Thảo	18	12	1999	Thừa Thiên Huế	Nữ	317	129559
10A02	44	Hồ Quốc Trung	29	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	344	129727

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A03	1	Nguyễn Ngọc Hoài Anh	27	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	487	135804
10A03	2	Tôn Nữ Minh Anh	21	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	708	142406
10A03	3	Phan Quỳnh Anh	24	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	474	134014
10A03	4	ĐOÀN THUY ANH	12	11	2006	Bình Định	Nữ	11	126459
10A03	5	Đào Trâm Anh	31	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	754	159741
10A03	6	Đỗ Ngọc Ánh	11	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	492	135874
10A03	7	Châu Lê Bảo	20	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	689	137681
10A03	8	Nguyễn Quang Chung	29	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	21	126554
10A03	9	Nguyễn Tiên Đạt	26	2	2006	Thái Bình	Nam	131	127638
10A03	10	Lê Huỳnh Minh Duy	8	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	381	129940
10A03	11	Bùi Đăng Giang	21	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	28	126645
10A03	12	Lê Phương Hạnh	12	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	137	127737
10A03	13	Trần Minh Hiền	25	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	528	136166
10A03	14	Lê Thị Thu Hiền	19	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	691	137945
10A03	15	Lưu Đình Hiếu	6	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	692	137956
10A03	16	Nguyễn Đức Hiếu	23	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	714	142675
10A03	17	Phùng Ngọc Hiếu	23	10	2006	Hòa Bình	Nam	228	128969
10A03	18	Nguyễn Thị Lan Hương	29	9	2006	Thanh Hóa	Nữ	38	126732
10A03	19	Lương Nhật Huy	27	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	715	142743
10A03	20	Vì Văn Trường Huy	26	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	786	169015
10A03	21	Nguyễn Tiên Khang	20	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	544	136333
10A03	22	Đinh Văn Anh Khoa	23	8	2021	Hồ Chí Minh	Nam	693	138130
10A03	23	Nguyễn Đăng Khoa	22	10	2006	Trà Vinh	Nam	547	136382
10A03	24	Nguyễn Bá Đăng Khôi	8	9	2021	Hà Tĩnh	Nam	553	136400
10A03	25	Võ Tá Khôi	29	1	2006	Quảng Ngãi	Nam	556	136411
10A03	26	Nguyễn Huy Bảo Long	3	1	2005	Hồ Chí Minh	Nam	806	1E+06
10A03	27	Nguyễn Thị Trà My	25	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	576	136572
10A03	28	Võ Thị Bảo Ngọc	5	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	478	134898
10A03	29	Nguyễn Ngọc Kiều Nhi	21	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	146	128163
10A03	30	Đào Quỳnh Như	27	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	605	136789
10A03	31	Trần Hoàng Thanh Phong	8	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	419	130251
10A03	32	Nguyễn Duy Quân	31	1	2006	Đồng Nai	Nam	83	127127
10A03	33	Đinh Vũ Diễm Quỳnh	4	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	621	136979
10A03	34	Nguyễn Đức Thắng	24	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	153	128335
10A03	35	Ngô Nguyễn Thanh Thảo	1	6	2006	Quảng Nam	Nữ	93	127210
10A03	36	VÕ ĐỨC THỊNH	23	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	643	137150
10A03	37	Nguyễn Hữu Viên Thông	23	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	644	137153
10A03	38	Mai Xuân Thúc	7	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	648	137206
10A03	39	Phạm Bùi Phương Trân	31	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	105	127317
10A03	40	Võ Nguyễn Bảo Trung	8	4	2006	Phú Yên	Nam	109	127355
10A03	41	Nguyễn Võ Phương Uyên	8	5	2006	Bình Dương	Nữ	114	127396
10A03	42	Nguyễn Thanh Vy	12	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	119	127436
10A03	43	Lê Đặng Như Ý	4	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	789	169759
10A03	44	Nguyễn Thị Hải Yến	22	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	168	128662

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A04	1	Đỗ Nguyễn Phương Anh	26	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	483	135754
10A04	2	Phạm Phương Anh	1	12	2006	Nam Định	Nữ	125	127539
10A04	3	Trần Ngọc Ánh	20	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	730	143759
10A04	4	Lê Quốc Bảo	30	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	19	126530
10A04	5	Nguyễn Hữu Chí Công	22	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	374	129900
10A04	6	Nguyễn Trung Đức	9	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	376	129922
10A04	7	Phạm Tiến Dũng	10	1	2006	Bình Định	Nam	378	129933
10A04	8	Đào Nguyên Nhật Hạ	16	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	221	128923
10A04	9	Nguyễn Đức Hải	28	8	2006	Vĩnh Phúc	Nam	522	136102
10A04	10	Nguyễn Hoàng Hải	15	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	523	136103
10A04	11	Thái Mỹ Hoa	16	4	2006	Đà Nẵng	Nữ	531	136186
10A04	12	Nguyễn Huỳnh Gia Khang	1	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	543	136330
10A04	13	Vũ Trần Phúc Khang	15	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	546	136343
10A04	14	Hồ Tùng Lâm	21	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	562	136443
10A04	15	Bùi Ngọc Ánh Linh	1	2	2006	Hải Phòng	Nữ	565	136451
10A04	16	Đoàn Mỹ Linh	3	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	758	160377
10A04	17	Lê Nguyễn Mỹ Linh	16	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	47	126844
10A04	18	Nguyễn Phạm Tấn Luân	23	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	572	136518
10A04	19	Phạm Kiều My	1	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	577	136573
10A04	20	Nguyễn Trọng Nhân	20	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	270	129326
10A04	21	Trần Vi Bảo Nhi	6	10	2006	Bình Phước	Nữ	276	129360
10A04	22	Nguyễn Ngọc Lan Nhi	1	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	68	127030
10A04	23	Trần Yên Nhi	22	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	792	171942
10A04	24	Lâm Nguyễn Đại Phú	18	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	149	128217
10A04	25	Nguyễn Xuân Huỳnh Phúc	2	1	2006	Bình Phước	Nam	722	143216
10A04	26	Nguyễn Phạm Kiều Phương	6	6	2006	Bình Định	Nữ	424	130277
10A04	27	Trần Đỗ Bảo Quốc	31	8	2021	Hồ Chí Minh	Nam	425	130291
10A04	28	Phạm Vĩ Nam Quốc	22	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	86	127138
10A04	29	Nguyễn Phi Quyết	14	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	620	136976
10A04	30	NGUYỄN TRỌNG TẤN	30	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	794	91405
10A04	31	Phạm Phú Thịnh	22	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	724	143403
10A04	32	Bùi Ngọc Thanh Thơ	20	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	97	127237
10A04	33	Võ Nguyễn Anh Thư	16	10	2006	Quảng Ngãi	Nữ	446	130370
10A04	34	Phạm Phương Trâm	1	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	451	130402
10A04	35	HỒ THỊ THUY TRANG	24	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	661	137302
10A04	36	Nguyễn Thị Thùy Trang	3	3	2006	Vĩnh Phúc	Nữ	339	129705
10A04	37	Nguyễn Thành Trung	2	3	2021	Nghệ An	Nam	700	139130
10A04	38	Trần Nhật Trường	12	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	459	130431
10A04	39	Nguyễn Minh Tú	31	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	257	129217
10A04	40	ĐINH THỊ THẢO UYÊN	8	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	701	139191
10A04	41	Trịnh Thị Thanh Vân	7	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	727	143622
10A04	42	Hoàng Anh Việt	26	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	467	130461
10A04	43	Nguyễn Thanh Vy	5	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	166	128637
10A04	44	Đinh Ngọc Thảo Vy	6	4	2006	Tiền Giang	Nữ	774	165058

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022**

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A05	1	Nguyễn Tuấn Anh	1	11	2006	Hà Nội	Nam	488	135831
10A05	2	Nguyễn Văn Anh	8	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	489	135834
10A05	3	Hà Gia Bảo	30	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	18	126526
10A05	4	Nguyễn Phụng Hoàn Châu	29	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	760	161594
10A05	5	Vũ Nguyễn Mai Dung	16	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	132	127668
10A05	6	Nguyễn Hương Giang	12	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	218	128913
10A05	7	Lâm Trường Giang	13	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	518	136082
10A05	8	HOÀNG LÊ AN HÀ	20	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	690	137892
10A05	9	Nguyễn Đức Hiệp	28	10	2006	Lâm Đồng	Nam	8	123645
10A05	10	Hoàng Thị Như Huệ	15	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	476	134407
10A05	11	Nguyễn Trần Bảo Hưng	22	12	2006	Kiên Giang	Nam	734	143954
10A05	12	Nguyễn Bảo Huy	29	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	540	136270
10A05	13	Phạm Thị Ngọc Huyền	9	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	394	130033
10A05	14	Trần Minh Khoa	31	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	551	136391
10A05	15	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	24	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	757	160314
10A05	16	Nguyễn Minh Khôi	15	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	555	136405
10A05	17	Huỳnh Anh Kiệt	25	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	558	136423
10A05	18	Lương Nguyễn Phương Kiều	21	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	559	136435
10A05	19	Lô Thái Tùng Lâm	5	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	563	136445
10A05	20	Nguyễn Phương Mẫn Mẫn	2	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	253	129196
10A05	21	ĐÀO NHẬT MINH	5	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	574	136547
10A05	22	Phùng Nguyễn Kim Ngân	4	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	584	136623
10A05	23	Dương Thị Tuyết Ngân	28	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	57	126951
10A05	24	Nguyễn Hữu Nghĩa	22	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	588	136644
10A05	25	Huỳnh Bảo Ngọc	25	9	2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	477	134869
10A05	26	Huỳnh Trần Bảo Nguyên	10	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	594	136694
10A05	27	Trần Thị Mỹ Nhi	13	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	696	138562
10A05	28	Vũ Ngọc Uyên Nhi	17	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	415	130216
10A05	29	Đỗ Thị Yên Nhi	12	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	597	136742
10A05	30	Lê Gia Phát	26	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	418	130243
10A05	31	Trần Hoài Diễm Phúc	24	5	2006	Quảng Nam	Nữ	150	128234
10A05	32	Danh Hoàng Phúc	6	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	422	130256
10A05	33	Nguyễn Hoàng Phúc	12	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	293	129418
10A05	34	Nguyễn Trương Quốc Thắng	7	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	634	137078
10A05	35	Đặng Trung Thành	21	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	6	108839
10A05	36	Trần Thị Minh Thư	13	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	746	144423
10A05	37	Nguyễn Minh Thuận	3	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	646	137200
10A05	38	Nguyễn Văn Thủy	15	10	2006	Hưng Yên	Nữ	159	128460
10A05	39	Nguyễn Tùng Cẩm Tiên	4	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	160	128466
10A05	40	Trần Minh Toàn	24	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	657	137267
10A05	41	Nguyễn Triệu Cẩm Tú	20	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	669	137387
10A05	42	Phạm Kim Tuyền	29	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	674	137425
10A05	43	Nguyễn Tường Khánh Vy	4	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	681	137501
10A05	44	Trương Ngọc Kiều Vy	27	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	361	129825

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022**

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A06	1	Nguyễn Bảo Anh	2	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	707	142362
10A06	2	Lê Đặng Ngọc Anh	7	9	2006	Thanh Hóa	Nữ	484	135768
10A06	3	LÊ NGỌC ANH	4	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	124	127504
10A06	4	Nguyễn Cao Khánh Bằng	2	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	493	135887
10A06	5	Nguyễn Vũ Bằng	26	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	494	135892
10A06	6	Nguyễn Đức Đạt	26	4	2006	Hà Nam	Nam	504	135991
10A06	7	Đặng Thành Đạt	11	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	503	135986
10A06	8	Nguyễn Phạm Tiến Đạt	9	11	2006	Bình Định	Nam	505	135996
10A06	9	Trần Bội Doanh	14	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	508	136016
10A06	10	HÀ NGỌC HƯƠNG GIANG	28	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	216	128910
10A06	11	Đinh Ngọc Hiền	18	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	529	136168
10A06	12	Bùi Huy Hoàng	24	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	533	136191
10A06	13	Phạm mạnh hùng	8	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	139	127791
10A06	14	Đặng Nguyễn Duy Khang	25	9	2005	Khánh Hòa	Nam	791	171715
10A06	15	Võ Đăng Khoa	24	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	552	136393
10A06	16	Ngô Trung Kiên	28	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	402	130076
10A06	17	Nguyễn Ngọc Bảo Lam	13	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	561	136442
10A06	18	Nguyễn Ngọc Linh	14	12	2004	Hồ Chí Minh	Nữ	566	136474
10A06	19	Nguyễn Lê Nhật Linh	7	1	2006	Tây Ninh	Nữ	717	142873
10A06	20	Nguyễn Thắng Lợi	13	8	2006	Bạc Liêu	Nam	49	126875
10A06	21	Trần Thanh My	17	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	578	136575
10A06	22	Nguyễn Thị Trà My	26	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	55	126935
10A06	23	Đỗ Nguyễn Phương Nghiêm	15	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	694	138442
10A06	24	Trương Thị An Ngọc	19	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	60	126989
10A06	25	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	22	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	595	136719
10A06	26	Vũ Ngọc Uyên Nhi	17	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	604	136782
10A06	27	Lê Đình Khánh Như	24	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	606	136794
10A06	28	Lương Hà Hoàng Oanh	1	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	148	128206
10A06	29	Nguyễn Hoàng Diễm Phúc	4	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	614	136882
10A06	30	Nguyễn Hoàng Phúc	25	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	77	127098
10A06	31	Đỗ Minh Phúc	18	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	697	138653
10A06	32	Lê Thanh Phúc	10	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	612	136878
10A06	33	Trần Võ Nhật Quang	31	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	702	139717
10A06	34	Trần Thị Diễm Quỳnh	24	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	624	136993
10A06	35	Huỳnh Thị Anh Thư	12	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	771	164635
10A06	36	Nguyễn Như Thuận	21	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	647	137202
10A06	37	Nguyễn Võ Thủy Tiên	11	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	654	137244
10A06	38	Lê Công Hữu Tiến	15	2	2006	Nghệ An	Nam	656	137248
10A06	39	Trịnh Ngọc Kiều Trân	1	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	659	137296
10A06	40	Nguyễn Huỳnh Anh Tú	15	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	161	128554
10A06	41	Nguyễn Thị Cát Tường	2	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	673	137422
10A06	42	Nguyễn Anh Khôi Uyên	9	5	2006	Hà Nội	Nữ	353	129772
10A06	43	Nguyễn Trần Khánh Vy	18	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	167	128642
10A06	44	Võ Ngọc Như Ý	19	1	2005	Hồ Chí Minh	Nữ	686	137523

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022**

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A07	1	Hoàng Mỹ Anh	4	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	753	155407
10A07	2	Trương Phạm Quỳnh Anh	13	8	2006	Kiên Giang	Nữ	369	129865
10A07	3	Phan Kim Ánh	14	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	189	128758
10A07	4	Nguyễn Bạch Khánh Băng	16	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	756	159812
10A07	5	Đông Phúc Cảnh	11	11	2006	Tiền Giang	Nam	373	129887
10A07	6	Nguyễn Ngọc Hoàng Châu	16	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	496	135933
10A07	7	Hà Phú Đạt	12	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	198	128831
10A07	8	Phạm Tùng Dương	8	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	210	128886
10A07	9	Lê Đức Duy	1	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	211	128889
10A07	10	Nguyễn Nhật Duy	30	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	775	166928
10A07	11	Nguyễn Ngọc Tâm Hảo	2	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	226	128956
10A07	12	Nguyễn Trọng Hiếu	22	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	227	128965
10A07	13	Đỗ Gia Khải Hoàn	13	1	2006	Quảng Nam	Nữ	35	126700
10A07	14	Lý Trung Hưng	26	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	535	136229
10A07	15	Phạm Tuấn Hưng	22	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	230	129006
10A07	16	Nguyễn Huy Đăng Khôi	21	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	554	136404
10A07	17	Võ Phạm Hoàng Thiên Kim	2	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	735	144058
10A07	18	Nguyễn Hoàng Thiên Lộc	11	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	705	141360
10A07	19	Nguyễn Đức Phi Long	10	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	250	129180
10A07	20	Thái Trần Kim Ngân	20	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	585	136625
10A07	21	Trần Thị Hồng Ngọc	13	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	265	129292
10A07	22	Châu Minh Mẫn Ngọc	5	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	589	136652
10A07	23	Trần Minh Nhật	10	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	596	136734
10A07	24	Lê Phương Như	23	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	297	129447
10A07	25	Nguyễn Đại Phát	8	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	73	127068
10A07	26	Nguyễn Huỳnh Tấn Phát	19	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	611	136840
10A07	27	Nguyễn Cao Quyền	23	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	426	130296
10A07	28	Phạm Vũ Bảo Quỳnh	24	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	88	127152
10A07	29	Lâm Thanh Sang	20	8	2006	Quảng Nam	Nam	428	130302
10A07	30	Nguyễn Thái Sơn	14	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	743	144350
10A07	31	Mai Phúc Thái	27	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	310	129528
10A07	32	Nguyễn Chí Thiện	14	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	321	129581
10A07	33	Văn Phúc Anh Thùy	4	5	2006	Quảng Nam	Nữ	651	137223
10A07	34	Đào Thu Thủy	1	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	158	128456
10A07	35	Võ Ngọc Thy	17	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	332	129652
10A07	36	Mai Mỹ Tiên	19	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	653	137237
10A07	37	Phan Ngọc Tiên	7	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	655	137245
10A07	38	Vũ Thị Kiều Trinh	17	11	2006	Nam Định	Nữ	342	129718
10A07	39	Lê Thị Ngọc Trinh	15	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	663	137343
10A07	40	Nguyễn Thị Lan Vy	19	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	728	143669
10A07	41	Nguyễn Lâm Thảo Vy	15	5	2006	Hậu Giang	Nữ	469	130480
10A07	42	Huỳnh Chí Vỹ	21	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	363	129827
10A07	43	Phạm Nhị Như Ý	9	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	4	106703
10A07	44	Bùi Phi Yến	4	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	687	137525

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A08	1	Nguyễn Thị Hồng Ân	10	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	171	128678
10A08	2	Lê Hoàng Anh	13	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	123	127503
10A08	3	Dư Trần Quốc Anh	9	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	175	128696
10A08	4	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31	5	2006	Hưng Yên	Nữ	187	128755
10A08	5	Nguyễn Lê Gia Bảo	1	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	371	129874
10A08	6	Nguyễn Thị Ngọc Bích	15	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	780	167852
10A08	7	Nguyễn Thị Kim Chi	23	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	195	128809
10A08	8	Trịnh Hoài Đức	22	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	205	128864
10A08	9	Nguyễn Thành Đức	3	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	510	136025
10A08	10	Võng Tấn Duy	17	12	2006	Đồng Nai	Nam	212	128896
10A08	11	Đỗ Ngọc Trúc Hân	16	8	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	731	143893
10A08	12	Võ Hiền Hậu	19	11	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	138	127747
10A08	13	Cao Thị Thu Hiền	1	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	33	126681
10A08	14	Lê Trần Phương Hùng	6	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	534	136223
10A08	15	Ngô Thị Thùy Linh	16	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	246	129152
10A08	16	Nguyễn Trần Hồng Lĩnh	7	5	2006	Lâm Đồng	Nam	407	130106
10A08	17	Nguyễn Hồng Xuân Mai	2	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	765	163930
10A08	18	Quách Thịnh Bình Minh	26	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	256	129214
10A08	19	Nguyễn Khôi Nguyên	8	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	267	129309
10A08	20	Trần Khánh Nhật	8	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	64	127013
10A08	21	Lê Ngọc Bảo Như	8	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	69	127046
10A08	22	Nguyễn Thành Phát	26	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	282	129386
10A08	23	Hồ Tấn Phát	5	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	281	129383
10A08	24	Chu Minh Quân	2	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	706	141761
10A08	25	Nguyễn Bá Hào Quang	29	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	742	144329
10A08	26	Võ Ngọc Như Quỳnh	23	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	626	136998
10A08	27	Phan Quốc Thanh	13	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	432	130327
10A08	28	Hoàng Trung Thành	2	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	314	129544
10A08	29	Huỳnh Ngọc Phương Thảo	19	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	639	137114
10A08	30	Trịnh Danh Thiện	18	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	322	129586
10A08	31	Trương Diễm Thư	26	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	329	129634
10A08	32	NGUYỄN NHẬT MỸ TIỀN	12	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	334	129657
10A08	33	PHẠM NGỌC THUY TIỀN	1	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	102	127284
10A08	34	Trần Thị Thùy Trâm	15	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	336	129686
10A08	35	Võ Thụy Thùy Trâm	19	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	104	127308
10A08	36	Phạm Ngọc Minh Trang	11	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	1	102925
10A08	37	Trần Thị Thu Trang	10	4	2006	Thái Bình	Nữ	662	137322
10A08	38	Đặng Minh Triết	5	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	341	129714
10A08	39	Nguyễn Mai Tuyết Trinh	25	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	455	130421
10A08	40	Nguyễn Hà Ngọc Tú	13	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	346	129741
10A08	41	Trần Hoàng Tuấn	11	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	350	129756
10A08	42	Nguyễn Tuệ	19	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	672	137413
10A08	43	Phạm Trần Nhã Uyên	30	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	464	130454
10A08	44	Trần Nhật Vy	22	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	470	130487

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A09	1	Trần Thiên An	4	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	121	127478
10A09	2	Trần Mai Anh	14	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	14	126496
10A09	3	Thân Việt Bách	12	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	710	142435
10A09	4	Nguyễn Lê Anh Bảo	11	1	2006	Đồng Tháp	Nam	20	126532
10A09	5	Phạm Khắc Lâm Đại	23	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	375	129902
10A09	6	Lưu Phước Đạt	11	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	200	128837
10A09	7	PHAN NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	21	11	2006	Vĩnh Phúc	Nữ	513	136055
10A09	8	Tô Hoàng Dương	31	10	2006	Hà Nội	Nam	2	105688
10A09	9	Trần Phạm Thủy Dương	29	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	514	136056
10A09	10	Vũ Hoàng Hải	16	2	2006	Tây Ninh	Nam	31	126664
10A09	11	Dương Mạnh Hùng	16	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	733	143948
10A09	12	Phạm Anh Khoa	2	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	548	136388
10A09	13	Hàn Tuấn Khoa	22	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	399	130061
10A09	14	Phan Thanh Kiều	8	7	2006	Nam Định	Nữ	560	136438
10A09	15	Nguyễn Thị Giáng My	17	11	2006	Nam Định	Nữ	409	130145
10A09	16	Lương Bích Bảo Ngọc	20	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	738	144190
10A09	17	Võ Trung Nguyên	21	2	2006	Quảng Ngãi	Nam	61	126996
10A09	18	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	24	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	273	129346
10A09	19	Nguyễn Thị Hoài Nhị	9	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	416	130218
10A09	20	Nguyễn Thị Quỳnh Như	2	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	609	136813
10A09	21	Trịnh Xuân Phát	9	2	2021	Hồ Chí Minh	Nam	283	129388
10A09	22	Cù Hải Phong	18	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	75	127078
10A09	23	Phạm Sơn Hải Phong	2	3	2006	Đồng Nai	Nam	286	129399
10A09	24	Trần Lê Uyên Phương	8	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	777	167431
10A09	25	Nguyễn Nhật Quỳnh	8	4	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	87	127149
10A09	26	Thân Ngọc Sơn	8	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	744	144353
10A09	27	Mai Chí Tâm	27	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	629	137038
10A09	28	Hồ Minh Tân	19	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	631	137059
10A09	29	Phạm Hữu Thắng	29	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	154	128336
10A09	30	Đỗ Ngọc Phương Thanh	24	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	636	137086
10A09	31	Lý Đông Thịnh	4	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	323	129589
10A09	32	Nguyễn Phan Khang Thịnh	5	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	96	127236
10A09	33	Nguyễn Thị Thu Thủy	1	12	2006	Vĩnh Phúc	Nữ	652	137227
10A09	34	Vũ Thị Ngọc Trâm	30	1	2006	Nam Định	Nữ	337	129689
10A09	35	Nguyễn Hằng Bảo Trân	18	3	2006	Quảng Nam	Nữ	453	130408
10A09	36	Nguyễn Huyền Trang	25	9	2006	Nam Định	Nữ	454	130412
10A09	37	NGô Phương Trúc	2	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	666	137358
10A09	38	Đinh Anh Tú	22	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	110	127361
10A09	39	Vũ Minh Tuấn	17	6	2006	Phú Thọ	Nam	111	127380
10A09	40	Vũ Bạch Vân	27	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	116	127409
10A09	41	Lê Thị Tường Vi	13	7	2006	Bình Thuận	Nữ	676	137460
10A09	42	Võ Phạm Bảo Vy	15	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	362	129826
10A09	43	Mai Nguyễn Thảo Vy	21	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	118	127429

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHÍNH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A10	1	Nguyễn Hoàng Anh	25	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	486	135796
10A10	2	Đỗ Thị Mai Anh	10	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	173	128693
10A10	3	Khúc Thị Minh Anh	6	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	473	133942
10A10	4	Nguyễn Viết Thanh Chương	28	4	2006	Quảng Nam	Nam	711	142498
10A10	5	Nguyễn Gia Đạt	20	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	201	128838
10A10	6	Lê Thành Đạt	9	7	2006	Thanh Hóa	Nam	199	128836
10A10	7	Nguyễn Hồ Hồng Hằng	15	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	752	153261
10A10	8	Lê Văn Hoàng Hiếu	11	9	2006	Đà Nẵng	Nam	732	143922
10A10	9	Đinh Trung Hiếu	22	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	5	108216
10A10	10	Nguyễn Văn Hoài	4	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	34	126698
10A10	11	Võ Ngọc Lan Hương	11	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	140	127802
10A10	12	LÊ QUANG GIA HUY	22	3	2006	Quảng Nam	Nam	393	130019
10A10	13	Nguyễn Thị Minh Huyền	10	10	2006	Hải Phòng	Nữ	41	126761
10A10	14	Trần Đăng Khoa	21	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	400	130071
10A10	15	Đỗ Huy Khương	14	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	241	129100
10A10	16	Trần Đình Kim	9	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	244	129121
10A10	17	Châu Ngọc Mai	12	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	50	126899
10A10	18	Vũ Thành Nam	13	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	56	126947
10A10	19	Tô Thị Thanh Nhã	25	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	62	126998
10A10	20	Thái Ngọc Phương Nhi	14	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	602	136775
10A10	21	Hoàng Ngọc Yên Nhi	18	3	2006	Kiên Giang	Nữ	65	127016
10A10	22	Nguyễn Thị Quỳnh Như	23	10	2006	Nghệ An	Nữ	147	128191
10A10	23	Huỳnh Trang Thảo Như	26	9	2006	Quảng Nam	Nữ	720	143142
10A10	24	Lê Triệu Phi	17	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	74	127075
10A10	25	Đỗ Minh Phương	21	4	2006	Nước Ngoài	Nữ	615	136908
10A10	26	Vương Minh Quân	28	10	2006	Bình Thuận	Nam	84	127133
10A10	27	Trương Thanh Sáng	13	10	2006	Bình Thuận	Nam	303	129492
10A10	28	Phan Đức Tài	13	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	628	137031
10A10	29	Bùi Hoàng Tân	20	2	2006	Bình Dương	Nam	630	137056
10A10	30	Cao Thuận Thắng	29	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	311	129530
10A10	31	Nguyễn lê Thanh Thảo	16	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	436	130338
10A10	32	VÕ PHƯƠNG THANH THẢO	25	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	640	137123
10A10	33	Nguyễn Quang Thống	9	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	645	137156
10A10	34	NÔNG THỊ MẾN THƯƠNG	27	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	649	137211
10A10	35	Văn Phan Huyền Trân	20	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	106	127319
10A10	36	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	1	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	456	130422
10A10	37	LÊ HOÀNG MINH TUẤN	15	8	2006	Thừa Thiên Huế	Nam	348	129752
10A10	38	Huỳnh Ngọc Phương Uyên	30	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	675	137435
10A10	39	Phạm Thị Thuỷ Vân	25	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	356	129784
10A10	40	Phạm Ngọc Thảo Vy	23	8	2006	Thanh Hóa	Nữ	683	137506
10A10	41	Bùi Tường Vy	12	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	678	137477
10A10	42	Nguyễn Kim Như Ý	30	4	2006	Đồng Tháp	Nữ	685	137518
10A10	43	Ôn Gia Như Ý	29	8	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	366	129834
10A10	44	Lê Phúc Hải Yến	5	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	471	130497

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A11	1	Mai Lê Quế Anh	23	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	485	135786
10A11	2	Đỗ Quỳnh Anh	29	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	472	133928
10A11	3	Phạm Ngọc Ánh	4	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	16	126519
10A11	4	Phạm Nguyễn Thảo Ánh	31	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	188	128757
10A11	5	Lê Đình Phước Bình	1	10	2006	Đà Nẵng	Nam	192	128792
10A11	6	Phan Ngọc Bảo Châu	4	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	194	128802
10A11	7	Trần Chí Cường	22	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	501	135964
10A11	8	PHẠM NGUYỄN CƯỜNG	26	8	2021	Hồ Chí Minh	Nam	712	142503
10A11	9	Võ Thi Dung	7	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	762	163344
10A11	10	Nguyễn Cao Duy	12	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	516	136063
10A11	11	Bùi Thị Giang	19	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	517	136080
10A11	12	Phạm Nguyễn Lê Hiếu	10	2	2006	Tiền Giang	Nam	530	136176
10A11	13	Đặng Trung Hiếu	9	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	388	129992
10A11	14	Trương Mỹ Hoa	1	1	2006	Hải Phòng	Nữ	532	136187
10A11	15	Phan Đại Hữu	19	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	141	127807
10A11	16	Hà Nhật Huy	6	4	2006	Bình Phước	Nam	233	129022
10A11	17	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	20	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	704	141172
10A11	18	Đoàn Quang Khải	13	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	395	130038
10A11	19	Nguyễn Quốc Khang	19	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	397	130046
10A11	20	Nguyễn Anh Khoa	16	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	43	126794
10A11	21	Lê Trần Anh Khôi	18	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	44	126803
10A11	22	Nguyễn Việt Lâm	30	4	2006	Ninh Thuận	Nam	404	130089
10A11	23	Võ Tấn Lộc	28	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	248	129175
10A11	24	Phạm Đình Mạnh	9	8	2006	Thanh Hóa	Nam	52	126911
10A11	25	Dương Đức Minh	22	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	575	136548
10A11	26	Từ Tú Mỹ	18	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	579	136580
10A11	27	Đặng Việt Mỹ	7	11	2021	Hồ Chí Minh	Nam	145	128059
10A11	28	Nguyễn Khôi Nguyên	9	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	719	143072
10A11	29	Lê Ngọc Yên Nhi	11	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	66	127022
10A11	30	Ngân Yên Nhi	4	10	2005	Đồng Nai	Nữ	767	164188
10A11	31	Huỳnh Trang Yên Như	26	9	2006	Quảng Nam	Nữ	721	143143
10A11	32	Dương Thị Kim Phượng	30	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	296	129442
10A11	33	Lê Võ Phương Quỳnh	20	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	623	136985
10A11	34	Phùng Huỳnh Tân	14	6	2006	Sóc Trăng	Nam	430	130314
10A11	35	Phạm Thiên Thanh	30	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	312	129541
10A11	36	Lương Tiến Thành	4	1	2006	Quảng Nam	Nam	435	130333
10A11	37	Trịnh Thị Thanh Thảo	18	10	2006	Tây Ninh	Nữ	94	127222
10A11	38	Trần Mai Thi	12	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	319	129574
10A11	39	Ngô Nguyễn Hoàng Thơ	8	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	324	129597
10A11	40	PHẠM NGỌC NAM TRÂN	15	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	7	117187
10A11	41	Nguyễn Thị Huyền Trang	21	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	107	127327
10A11	42	An Ngọc Yên Trang	13	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	660	137297
10A11	43	Hoàng Khả Tú	2	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	460	130433
10A11	44	Nguyễn Thị Như Ý	24	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	365	129833

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022**

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A12	1	Phạm Hoàng Anh	17	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	490	135836
10A12	2	Lê Ngọc Ánh	1	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	186	128753
10A12	3	Trịnh Đoàn Gia Cường	25	8	2021	Hồ Chí Minh	Nam	129	127614
10A12	4	Nguyễn Hải Đăng	12	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	22	126567
10A12	5	Nguyễn Thái Thùy Dung	11	10	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	207	128869
10A12	6	Nguyễn Tùng Dương	11	12	2006	Vĩnh Phúc	Nam	25	126631
10A12	7	Nguyễn Quốc Gia Duy	5	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	27	126634
10A12	8	Lê Hương Giang	2	6	2006	Yên Bái	Nữ	217	128911
10A12	9	Phan Nguyễn Quỳnh Giao	28	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	220	128917
10A12	10	Đinh Thị Khánh Hân	19	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	222	128932
10A12	11	Vương Phạm Ngọc Hân	22	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	135	127731
10A12	12	Nguyễn Phương Hằng	30	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	225	128947
10A12	13	Lê Thị Thúy Hằng	1	10	2006	Vĩnh Phúc	Nữ	524	136141
10A12	14	Vương Phạm Ngọc Hạnh	22	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	136	127736
10A12	15	Nguyễn Thanh Huyền	24	11	2006	Hà Nội	Nữ	40	126760
10A12	16	TRẦN ĐÌNH KHANG	27	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	545	136338
10A12	17	Mai Văn Giang Khánh	26	9	2006	Thanh Hóa	Nam	239	129077
10A12	18	Huỳnh Lưu Tuấn Kiệt	15	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	242	129109
10A12	19	Trần Thiên Lộc	5	12	2006	Vĩnh Long	Nam	570	136501
10A12	20	Ngô Lê Hoàng Long	2	4	2006	Quảng Ngãi	Nam	759	160429
10A12	21	Nguyễn Thái Bảo Minh	18	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	254	129209
10A12	22	Võ Trần Huyền My	16	7	2006	Bình Định	Nữ	259	129227
10A12	23	Trần Khánh Ngọc	22	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	593	136679
10A12	24	Vũ Minh Nguyệt	21	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	740	144218
10A12	25	Phan Ngọc Yên Nhi	5	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	601	136773
10A12	26	Đặng Quang Nhựt	10	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	279	129375
10A12	27	Đinh Văn Hùng Phát	4	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	72	127064
10A12	28	Đinh Hoàng Hữu Phát	5	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	417	130239
10A12	29	Phạm Văn Tấn Phát	9	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	787	169385
10A12	30	Hoàng Mai Hữu Phúc	23	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	287	129407
10A12	31	Lê Thành Phúc	13	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	290	129413
10A12	32	Lê Minh Phương	7	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	79	127111
10A12	33	Đinh Hà Hoàng Thanh	8	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	635	137085
10A12	34	Trương Tấn Thành	9	1	2006	Thanh Hóa	Nam	315	129550
10A12	35	PHẠM VŨ THUẬN THIÊN	10	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	641	137131
10A12	36	Nguyễn Phan Như Thiện	25	5	2006	Quảng Ngãi	Nam	95	127235
10A12	37	Nguyễn Thị Anh Thư	18	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	745	144415
10A12	38	Lê Bảo Trân	14	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	748	144461
10A12	39	Đoàn Ngọc Cẩm Tú	25	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	345	129738
10A12	40	Nguyễn Minh Tuấn	28	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	788	169686
10A12	41	Trần Minh Tuệ	23	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	351	129758
10A12	42	Trần Nguyễn Mỹ Uyên	19	11	2006	Khánh Hòa	Nữ	465	130456
10A12	43	Lâm Thuý Vân	20	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	355	129781
10A12	44	Trần Hoàng Vinh	15	12	2006	Hồ Chí Minh	Nam	773	165039

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022**

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A13	1	Văn Hoài An	15	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	481	135730
10A13	2	Văn Hoàng Hoài An	22	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	368	129843
10A13	3	Huỳnh Hòa Thiên Ân	2	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	170	128676
10A13	4	Nguyễn Hoàng Anh	10	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	12	126474
10A13	5	Đỗ Tú Anh	20	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	174	128695
10A13	6	Nguyễn Võ Bảo Châu	8	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	790	169926
10A13	7	Lê Ngọc Lan Chi	14	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	499	135943
10A13	8	Đỗ Đức Đăng	15	12	2006	Vĩnh Phúc	Nam	502	135973
10A13	9	Nguyễn Thị Thanh Diệu	14	8	2006	Bình Định	Nữ	506	136011
10A13	10	Phạm Bá Minh Đức	27	7	2005	Hồ Chí Minh	Nam	204	128859
10A13	11	Nguyễn Trịnh Hương Giang	28	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	763	163409
10A13	12	Nguyễn Hồ Ngọc Hà	15	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	30	126655
10A13	13	Dương Nguyễn Bảo Hân	5	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	785	168913
10A13	14	Nguyễn Thu Hiền	10	11	2006	Bắc Giang	Nữ	527	136164
10A13	15	Vương Gia Khang	3	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	238	129068
10A13	16	Phạm Quốc Khánh	2	9	2006	Vĩnh Phúc	Nam	240	129081
10A13	17	Nguyễn Trọng Vân Khuyên	29	11	2005	Lâm Đồng	Nữ	557	136413
10A13	18	Võ Hồ Xuân Lộc	28	2	2006	Vĩnh Long	Nữ	571	136502
10A13	19	Nguyễn Hữu Nam	16	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	797	93451
10A13	20	Bùi Ngọc Bảo Nghi	17	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	586	136630
10A13	21	Đỗ Lê Bảo Ngọc	28	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	590	136655
10A13	22	Phạm Khánh Ngọc	2	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	592	136674
10A13	23	Hoàng Nguyễn Thảo Nhi	17	12	2006	Cần Thơ	Nữ	598	136747
10A13	24	Lê Duy Phúc	3	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	289	129410
10A13	25	Nguyễn Hoàng Phúc	10	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	613	136881
10A13	26	Hồ Trọng Phúc	21	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	76	127093
10A13	27	Nguyễn Duy Quang	2	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	298	129461
10A13	28	Trịnh Lê Diễm Quỳnh	22	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	427	130300
10A13	29	Võ Lê Vi Tâm	18	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	308	129520
10A13	30	Tạ Duy Tân	30	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	632	137061
10A13	31	Phạm Quang Thắng	15	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	431	130324
10A13	32	Trần Thị Thanh Thảo	23	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	437	130341
10A13	33	Đoàn Lê Minh Thư	15	3	2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	441	130354
10A13	34	Lê Thịnh Thành Tiến	21	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	448	130388
10A13	35	Phan Xuân Tiến	15	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	103	127292
10A13	36	Nguyễn Phước Diệu Trâm	24	3	2006	Thừa Thiên Huế	Nữ	450	130398
10A13	37	Nguyễn Thanh Trúc	3	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	457	130424
10A13	38	Nguyễn Quang Trường	20	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	668	137382
10A13	39	Nguyễn Anh Tú	15	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	462	130437
10A13	40	Trần Nguyễn Ánh Tuyết	4	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	112	127390
10A13	41	Lê Đoàn Khánh Vân	12	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	466	130457
10A13	42	Nguyễn Khánh Vân	3	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	115	127401
10A13	43	Hoàng Trường Vũ	22	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	677	137472
10A13	44	Nguyễn Thị Thanh Xuân	14	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	364	129829

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A14	1	Lê Trần Bảo An	21	1	2006	Bình Định	Nam	480	135721
10A14	2	Nguyễn Nam An	2	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	688	137543
10A14	3	Ngô Ngọc Anh	8	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	729	143720
10A14	4	Nguyễn Ngọc Ánh	4	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	703	140818
10A14	5	Lương Nhất Bách	6	11	2006	Nam Định	Nam	191	128767
10A14	6	Nguyễn Thái Bình	12	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	193	128793
10A14	7	Tô Quốc Đạt	4	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	202	128845
10A14	8	Trần Đặng Quang Dũng	15	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	208	128878
10A14	9	Nguyễn Nguyễn Duy	29	8	2021	An Giang	Nam	26	126632
10A14	10	Phạm Ngọc Hương Giang	3	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	133	127702
10A14	11	Phan Ngọc Gia Hưng	18	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	537	136234
10A14	12	Phạm Lê Gia Huy	2	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	235	129039
10A14	13	Nguyễn Trần Điền Khang	23	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	42	126777
10A14	14	Nguyễn Anh Kiệt	8	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	403	130079
10A14	15	Nguyễn Thị Khánh Linh	20	3	2006	Thanh Hóa	Nữ	144	127956
10A14	16	Phan Thị Khánh Linh	21	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	568	136485
10A14	17	Nguyễn Phương Linh	8	1	2006	Bắc Ninh	Nữ	48	126854
10A14	18	NGUYỄN THÀNH LỘC	16	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	805	1E+06
10A14	19	Hoàng Ngọc Long	29	9	2021	Hồ Chí Minh	Nam	249	129178
10A14	20	Phùng Quang Minh	8	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	255	129213
10A14	21	Nguyễn Thiên Ngân	23	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	583	136619
10A14	22	Võ Thành Nhân	25	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	63	127006
10A14	23	Le Huy Ngọc Nhi	12	11	2006	Lâm Đồng	Nữ	600	136751
10A14	24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	7	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	71	127051
10A14	25	Huỳnh Thái Ngọc Như	19	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	277	129363
10A14	26	Nguyễn Đặng Hồng Phúc	15	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	292	129416
10A14	27	Bùi Minh Quang	12	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	85	127134
10A14	28	Nguyễn Tuyết Sương	1	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	307	129503
10A14	29	Đinh Xuân Thành	21	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	91	127192
10A14	30	Lê Đức Thịnh	23	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	642	137141
10A14	31	Nguyễn Văn Thống	26	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	325	129601
10A14	32	Nguyễn Ngọc Anh Thư	17	3	2006	Bình Thuận	Nữ	99	127253
10A14	33	Vũ Hoàng Anh Thư	11	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	447	130372
10A14	34	Nguyễn Thị Phương Thúy	7	10	2006	Nam Định	Nữ	650	137215
10A14	35	Ngô Thủy Tiên	13	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	333	129655
10A14	36	Vũ Thị Thanh Trúc	18	5	2006	Bến Tre	Nữ	343	129724
10A14	37	Chang Bá Trung	30	10	2006	Nước Ngoài	Nam	458	130426
10A14	38	Lê Văn Tuấn	28	2	2006	Vĩnh Phúc	Nam	671	137399
10A14	39	Nguyễn Trần Tú Uyên	28	2	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	354	129776
10A14	40	Phùng Bích Ý Vy	30	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	684	137508
10A14	41	Trần Thị Kiều Vy	16	8	2006	Quảng Trị	Nữ	779	167746
10A14	42	Lê Nguyễn Lan Vy	26	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	358	129808
10A14	43	Đào Nguyễn Nhã Vy	2	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	679	137478
10A14	44	Đỗ Thị Thảo Vy	14	4	2006	Hải Phòng	Nữ	750	144572

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A15	1	Nguyễn Thùy Phương An	11	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	169	128668
10A15	2	Vũ Nguyễn Mai Anh	17	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	184	128749
10A15	3	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21	5	2006	Quảng Trị	Nữ	180	128726
10A15	4	Nguyễn Nhật Anh	27	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	178	128720
10A15	5	Âu Nguyễn Gia Bảo	1	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	17	126525
10A15	6	Trương Thiên Bảo	29	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	372	129880
10A15	7	Đoàn Thị Thùy Duyên	2	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	793	174818
10A15	8	Đỗ Nguyễn Khánh Hà	20	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	383	129959
10A15	9	Nguyễn Quang Hưng	23	9	2021	Hồ Chí Minh	Nam	536	136231
10A15	10	Võ Nguyễn Đăng Huy	24	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	542	136313
10A15	11	Lê Huỳnh Khánh Huy	20	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	539	136264
10A15	12	Vũ Minh Huy	30	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	142	127829
10A15	13	Châu Hoàng Quang Huy	24	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	232	129018
10A15	14	PHẠM QUANG HUY	7	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	716	142753
10A15	15	Võ Anh Khoa	22	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	401	130072
10A15	16	Đỗ Hoàng Lâm	23	9	2006	Hưng Yên	Nam	45	126827
10A15	17	Nguyễn Thoại Lâm	30	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	764	163811
10A15	18	Trần Thị Loan	8	6	2006	Hà Nam	Nữ	569	136491
10A15	19	Hồ Thị Ly Ly	21	12	2006	Quảng Nam	Nữ	573	136526
10A15	20	Lê Vũ Hà My	15	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	54	126930
10A15	21	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	27	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	59	126981
10A15	22	Đỗ Lê Minh Ngọc	16	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	591	136656
10A15	23	Nguyễn Thái Như Ngọc	8	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	411	130177
10A15	24	Phan Nguyễn Như Nguyệt	17	11	2006	Bình Định	Nữ	412	130188
10A15	25	Nguyễn Đoàn Nhật Nhi	1	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	67	127025
10A15	26	Lâm Thị Yến Nhi	13	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	413	130202
10A15	27	Nguyễn Ngọc Tâm Như	4	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	768	164253
10A15	28	Trần Phú	7	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	421	130254
10A15	29	Phạm Nguyễn Minh Quân	13	3	2004	Hồ Chí Minh	Nam	741	144327
10A15	30	Bùi Diễm Quỳnh	29	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	300	129478
10A15	31	Đặng Thanh Sang	16	4	2006	Hồ Chí Minh	Nam	152	128304
10A15	32	Nguyễn Phúc Thắng	11	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	633	137076
10A15	33	Đỗ Trung Thành	4	2	2006	Hà Nội	Nam	434	130331
10A15	34	Nguyễn Viêt Trường Thành	11	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	92	127200
10A15	35	Trần Lê Uyên Thi	15	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	438	130344
10A15	36	Trịnh Đức Thịnh	23	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	3	106461
10A15	37	Nguyễn Ngọc Minh Thư	28	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	328	129622
10A15	38	Nguyễn Phan Văn Thư	25	5	2006	Quảng Ngãi	Nam	100	127254
10A15	39	Đinh Nguyễn Vương Thuỳ	11	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	330	129642
10A15	40	Võ Phạm Huyền Trân	10	7	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	726	143505
10A15	41	Nguyễn Ngọc Khánh Trân	16	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	338	129693
10A15	42	Nguyễn Thùy Trang	21	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	340	129706
10A15	43	Trương Ngọc Hoàng Trinh	14	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	664	137348
10A15	44	Phạm Đặng Thanh Trúc	23	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	667	137368

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A16	1	Vũ Thị Mai Anh	22	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	15	126514
10A16	2	Thân Nhật Tinh Anh	14	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	126	127545
10A16	3	Nguyễn Đại Phương Ánh	9	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	370	129869
10A16	4	Lê Gia Bảo	17	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	495	135905
10A16	5	Dương Ngọc Bảo Châu	6	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	128	127595
10A16	6	Nguyễn Thành Danh	30	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	130	127627
10A16	7	Nguyễn Khánh Đoan	18	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	507	136013
10A16	8	Mai Hữu Đức	13	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	24	126611
10A16	9	Trần Thị Phương Dung	21	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	377	129926
10A16	10	Phạm Võ Hoàng Giang	24	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	520	136087
10A16	11	Đỗ Nguyễn Quỳnh Giang	26	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	215	128909
10A16	12	Lê Thị Ngọc Hà	15	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	29	126654
10A16	13	Nguyễn Gia Hân	25	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	385	129970
10A16	14	Vũ Hoàng Mai Hân	31	8	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	224	128944
10A16	15	Phạm Nguyễn Ngọc Hân	7	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	386	129974
10A16	16	Vũ Nguyễn Minh Hoàng	5	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	781	167996
10A16	17	Đàm Mai Hương	7	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	538	136236
10A16	18	Lê Thị Quỳnh Hương	14	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	231	129009
10A16	19	Nguyễn Thị Thu Hương	10	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	392	130011
10A16	20	Lê Nùng Văn Huy	17	3	2006	Thừa Thiên Huế	Nam	234	129027
10A16	21	Hín Cún Khìn	26	4	2006	Bình Thuận	Nam	398	130059
10A16	22	Nguyễn Thị Lan	18	10	2006	Vĩnh Phúc	Nữ	46	126831
10A16	23	Trần Lê Khánh Linh	6	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	247	129161
10A16	24	Nguyễn Quang Long	9	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	251	129181
10A16	25	Nguyễn Đức Anh Minh	26	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	#N/A	126918
10A16	26	Nguyễn Ngọc Quỳnh Ngân	13	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	260	129254
10A16	27	Trần Tuyết Ngân	1	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	766	164064
10A16	28	Phan Ngọc Phương Nghi	22	32	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	262	129269
10A16	29	Nguyễn Thành Nghĩa	3	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	761	162240
10A16	30	Nguyễn Thân Bảo Ngọc	31	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	739	144196
10A16	31	Phạm Nguyễn Uyên Nhi	21	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	275	129354
10A16	32	Nguyễn Anh Quân	23	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	82	127126
10A16	33	Tô Nguyễn Ngọc Quỳnh	2	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	151	128302
10A16	34	ĐỒNG Thị Như Quỳnh	7	35	2006	Quảng Ngãi	Nữ	770	164447
10A16	35	Thị Nguyễn Quỳnh Thiên	18	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	439	130346
10A16	36	Đặng Anh Thư	3	10	2006	Bình Định	Nữ	157	128410
10A16	37	Nguyễn Ngọc Lan Thư	22	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	327	129620
10A16	38	Nguyễn Trần Đăng Tôn	24	1	2005	Kon Tum	Nam	807	1E+06
10A16	39	Đỗ Hoàng Trâm	12	11	2006	Kiên Giang	Nữ	658	137272
10A16	40	Nguyễn Trần Phương Uyên	19	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	113	127395
10A16	41	Nguyễn Việt Quốc Việt	11	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	163	128608
10A16	42	Nguyễn Như Hoàng Vy	12	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	165	128636
10A16	43	Phạm Đình Khánh Vy	13	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	682	137504

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A17	1	Lê Mỹ Anh	21	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	176	128701
10A17	2	Nguyễn Quỳnh Anh	13	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	179	128721
10A17	3	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	27	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	13	126479
10A17	4	Bùi Quang Vũ Anh	17	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	482	135747
10A17	5	Nguyễn Quốc Bảo	30	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	127	127569
10A17	6	Phạm Ngọc Chiến	24	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	500	135948
10A17	7	Văn Huỳnh Kiều Duyên	7	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	713	142596
10A17	8	Trần Đăng Hải	9	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	384	129963
10A17	9	Võ Nguyễn Gia Hân	25	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	387	129976
10A17	10	Ngô Kim Hạnh	22	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	525	136147
10A17	11	Phạm Tuấn Hưng	1	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	390	130007
10A17	12	Huỳnh Diệu Hương	24	10	2006	Quảng Ngãi	Nữ	37	126731
10A17	13	Chế Ngọc Hương	17	2	2006	Hậu Giang	Nữ	36	126727
10A17	14	Phạm Đăng Khoa	6	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	549	136389
10A17	15	Mai Nhật Linh	9	7	2006	Lâm Đồng	Nữ	405	130093
10A17	16	Nguyễn Thị Kim Ngân	5	10	2006	Ninh Thuận	Nữ	737	144166
10A17	17	Đặng Nguyễn Gia Nghi	2	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	587	136631
10A17	18	Lê Thị Hồng Ngọc	5	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	263	129282
10A17	19	Ngô Khánh Nhi	20	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	271	129340
10A17	20	Lư Minh Ý Như	24	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	70	127049
10A17	21	Nguyễn Ngọc Phương Như	9	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	608	136806
10A17	22	Hà Tuấn Phong	8	31	2006	Hồ Chí Minh	Nam	284	129393
10A17	23	Nguyễn Hoàng Phúc	17	6	2006	Hồ Chí Minh	Nam	698	138667
10A17	24	Phạm Hồ Việt Phúc	14	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	78	127102
10A17	25	Ninh Thị Thu Phương	2	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	723	143246
10A17	26	Triệu Nguyễn Như Quỳnh	18	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	625	136996
10A17	27	Cao Đức Sáng	19	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	302	129491
10A17	28	Nguyễn Hồng Sơn	17	10	2006	Hồ Chí Minh	Nam	89	127159
10A17	29	Nguyễn Cửu Trường Sơn	19	9	2006	Hồ Chí Minh	Nam	304	129497
10A17	30	Lê Công Hữu Tài	15	2	2006	Nghệ An	Nam	627	137024
10A17	31	Hoàng Thị Minh Thảo	27	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	316	129553
10A17	32	Nguyễn Phan Thanh Thảo	7	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	155	128368
10A17	33	Nguyễn Trương Anh Thư	21	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	444	130362
10A17	34	Nguyễn Minh Thư	16	11	2006	Thái Bình	Nữ	98	127251
10A17	35	Lê Trung Tính	12	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	804	1E+06
10A17	36	Kiều Thanh Trúc	5	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	665	137357
10A17	37	Nguyễn Hoàng Anh Tú	6	3	2006	Hà Nội	Nữ	347	129742
10A17	38	Lương Hoàng Tú	4	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	461	130435
10A17	39	Bùi Trần Kim Tuyền	26	2	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	352	129763
10A17	40	Nguyễn Mai Vy	30	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	359	129813
10A17	41	Ngô Lê Thảo Vy	22	7	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	468	130477
10A17	42	Nguyễn Thị Tường Vy	17	38	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	360	129818
10A17	43	Phạm Thị Hải Yến	7	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	120	127456

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10, NĂM HỌC 2021 - 2022**

Lớp	STT Lớp	Họ và Tên HS	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	STT theo DS trúng tuyển	Số báo danh
			Ngày	Tháng	Năm				
10A18	1	Lê Hoàng Anh	2	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	802	1E+06
10A18	2	Vũ Hoàng Anh	10	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	709	142422
10A18	3	Vũ Hoàng Mai Anh	23	8	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	183	128748
10A18	4	Bùi Văn Anh	6	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	9	126455
10A18	5	Nguyễn Trường Giang	18	1	2006	Hồ Chí Minh	Nam	219	128915
10A18	6	NGUYỄN BẢO HÂN	7	8	2021	Hồ Chí Minh	Nữ	134	127719
10A18	7	Vũ Ánh Hồng	25	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	389	130004
10A18	8	Trương Hồ Quỳnh Hương	18	29	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	776	167040
10A18	9	Hoàng Thu Huyền	28	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	236	129046
10A18	10	Kiều Ngọc Thiên Kim	8	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	243	129120
10A18	11	Huỳnh Đức Lập	16	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	564	136449
10A18	12	Tô Mai Linh	28	1	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	406	130100
10A18	13	Nguyễn Ngô Xuân Mai	21	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	782	168144
10A18	14	Lê Hoàn Mỹ	2	7	2006	Hồ Chí Minh	Nam	803	1E+06
10A18	15	Nguyễn Phước Tôn Nữ Bội Ngân	21	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	582	136616
10A18	16	Huỳnh Lê Liên Ngân	3	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	580	136609
10A18	17	Lê Thị Ngọc Ngân	5	8	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	581	136611
10A18	18	Vương Lý Khánh Ngọc	18	5	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	266	129296
10A18	19	Nguyễn Phúc Nguyên	23	8	2006	Hồ Chí Minh	Nam	268	129310
10A18	20	Lê Thị Thảo Nguyên	10	27	2006	Thanh Hóa	Nữ	718	143069
10A18	21	Phạm Ngọc Bảo Nhi	12	10	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	274	129353
10A18	22	Huỳnh Lê Ý Nhi	9	9	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	599	136749
10A18	23	Trần Hoàng Phương Nhi	16	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	603	136776
10A18	24	Vũ Thị Hà Phương	2	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	81	127119
10A18	25	Trương Hoài Phương	18	12	2006	Tuyên Quang	Nữ	80	127118
10A18	26	Trần Hoàng Phương	27	2	2006	Hồ Chí Minh	Nam	616	136922
10A18	27	Trần Gia Ngọc Phượng	17	5	2006	Nam Định	Nữ	617	136930
10A18	28	Lê Thị Như Quỳnh	25	12	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	622	136984
10A18	29	Võ Khắc Anh Tài	16	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	90	127170
10A18	30	Lê Cao Phú Thành	7	5	2006	Bình Dương	Nam	637	137101
10A18	31	Đặng Tấn Thành	11	11	2006	Quảng Ngãi	Nam	313	129542
10A18	32	Trần Ngọc Anh Thư	3	36	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	445	130366
10A18	33	Đặng Ngọc Minh Thư	4	11	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	326	129606
10A18	34	Lê Thị Hiền Thục	5	12	2006	Hà Nam	Nữ	101	127266
10A18	35	NGUYỄN KHOA TIẾN	12	11	2006	Hồ Chí Minh	Nam	449	130389
10A18	36	Nguyễn Thị Phương Trang	7	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	108	127328
10A18	37	Huỳnh Thanh Trúc	17	4	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	749	144498
10A18	38	Lê Hoàng Anh Tuấn	9	5	2006	Hồ Chí Minh	Nam	670	137398
10A18	39	Nguyễn Minh Tuấn	2	3	2006	Hồ Chí Minh	Nam	349	129755
10A18	40	Nguyễn Quốc Việt	20	33	2006	Hồ Chí Minh	Nam	117	127412
10A18	41	Hoàng Nhật Vy	26	3	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	751	144575
10A18	42	Lâm Ngọc Phương Vy	3	6	2006	Hồ Chí Minh	Nữ	784	168634
10A18	43	Đoàn Thị Thúy Vy	18	1	2006	Quảng Trị	Nữ	164	128625